

# PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN ĐẠO ĐỨC PHẬT GIÁO ĐỐI VỚI CÁC XÃ HỘI BỀN VỮNG

**Prof. Kanchan Saxena\***

Hiện tại, thế giới đang trải qua khủng hoảng lớn bởi sự phát triển của khoa học và công nghệ đang gây nguy hiểm cho chính sự tồn tại của con người và xã hội. Con người đang mất đi những giá trị về đạo đức và tinh thần. Dường như, tất cả đang tập trung vào các cuộc đua để sở hữu và hưởng thụ vật chất. Chỉ có sự quan tâm ít ỏi đối với các giá trị của con người, ràng buộc con người với chính mình và xã hội. Những người có tầm lòng rất quan tâm đến thực tế này và liên tục cảnh báo với thế giới điều không phù hợp của sự thống trị vật chất đối của con người. Thời điểm hiện tại, sự phát triển nền văn minh tinh thần được mọi người hưởng ứng mạnh mẽ và đó là mối quan hệ nhân đạo. Vì vậy, việc thành lập xã hội bền vững cần dựa trên các giá trị cơ bản nhất định và cung cấp môi trường lành mạnh và hòa bình cho con người là rất cần thiết.

Một vài câu hỏi được đặt ra là: - Phật giáo có thể là sự thay thế phù hợp cho vấn đề này? Liệu mô hình Phật giáo về các giá trị đạo đức có phải là lựa chọn tốt nhất cho xã hội bền vững, trong đó, mỗi cá nhân phải chia sẻ trách nhiệm xã hội của mình để thiết lập một xã hội lý tưởng và bền vững? Câu trả lời có thể là tích cực hoặc tiêu cực, phụ thuộc vào cách giải thích của các cá nhân dựa trên các phương pháp tư duy khác nhau. Bài viết này nhằm đưa ra các phân tích về giá trị và giáo lý đạo đức Phật giáo, chắc chắn sẽ được chứng minh là một yêu cầu cấp thiết để thực hiện các trách nhiệm chung vì xã hội bền vững.

Đức Phật, người được ban phước từ hàng ngàn năm trước

---

\* Head, Dept of Philosophy, University of Lucknow Lucknow-226007, U.P. India  
Người dịch: Phạm Hải Hà

chống lại mọi tệ nạn của thời đại. Ngài đã tu hành giác ngộ và chỉ ra cho con người thấy những đau khổ của kiếp nhân sinh, con đường chấm dứt khỏi đau khổ và con đường Niết bàn. Đó thực sự không phải là nhiệm vụ ban đầu. Đức Phật và chư vị Bồ tát mọi lúc, mọi nơi luôn vì phúc lợi và an lạc của chư thiên và loài người mà hiến tặng trí tuệ và tình thương.

Ví dụ, bài thuyết pháp đầu tiên của Đức Phật có tên: *‘Kinh Chuyển Pháp Luân,’*<sup>1</sup> là pháp thoại về nền tảng của đạo đức Phật giáo. Tất cả chúng ta đều biết, không có một xã hội nào có thể được duy trì trong trường hợp không có các giá trị đạo đức và đạo đức. Nếu chúng ta nhìn vào thực tại, sẽ thấy rằng các giá trị cơ bản và các đức tính chính yếu như tình yêu, lòng nhân từ, lòng từ bi, hạnh phúc, bố thí, giới luật, hòa bình, trí tuệ Phật giáo và chánh Pháp đang mất đi nhanh chóng trong thế giới này. Tham vọng, tiền bạc, danh tiếng, hào hoa, thể hiện, sự quyến rũ và tham nhũng đang diễn ra từng ngày. Thế giới hiện đại đang chìm đắm trong tất cả những giá trị xấu xa này. Trong thời cổ đại, những giá trị xấu xa cũng chiếm ưu thế, mặc dù không chiếm tỷ lệ lớn như vậy.

Giáo lý đạo đức Phật giáo cung cấp cho chúng ta về quy tắc ứng xử đơn giản và cao quý, không phân biệt giới tính, tín ngưỡng hay chủng tộc, dạy chúng ta cách sống trong xã hội lý tưởng với sự theo dõi của **‘Hành vi đúng đắn’** là điều kiện tiên quyết cho sự bền vững xã hội.

Chúng ta hãy xem xét các lý thuyết đạo đức chính của Phật giáo, tức là **Bát chánh đạo, Tứ vô lượng tâm, khái niệm Bồ tát và Giáo Pháp của Phật; trong số tất cả những điều này, trước tiên chúng tôi đưa ra khái niệm Phật giáo về Bát chánh đạo.**

Toàn bộ kỷ luật Phật giáo theo đạo lộ có thể được chia thành ba phần (uẩn): **Trí Tuệ, Giới luật và Định tâm;** thực hành thể chất, tinh thần và trí tuệ. Trong nhiệm vụ đạo đức và thành tựu triết học của Phật giáo, ba khái niệm trên chiếm vị trí rất quan trọng. Theo quan điểm truyền thống, ba phần Giới, Định, Tuệ đã được chia thành Bát Chánh Đạo bởi chính Đức Phật<sup>2</sup>.

Phần đầu tiên là **‘Trí tuệ’**, bộ môn trí tuệ được ký hiệu là

‘**Chánh tư duy**’ (Suy nghĩ đúng) và ‘**Chánh kiến**’ (Quan điểm đúng). Sự nhấn mạnh về quan điểm đúng hay tầm nhìn đúng chỉ ra rằng các chuẩn mực đạo đức nên được dựa trên việc hiện thực hóa các sự thật cơ bản. Sự thôi thúc phát triển một trí tuệ đạo đức trong thế giới được điều chỉnh bởi luật đau khổ không thể chối cãi, có thể được chỉ định là tiêu chí của đạo đức trong Phật giáo. Điều này được ghi nhận trong ‘**Kinh Pháp Cú**’, “Người ngu dốt không biết rằng tất cả chúng ta phải chấm dứt ở đây, nhưng những người nhận ra điều này, những cuộc cãi vã của họ chấm dứt ngay lập tức bởi kiến thức của họ”<sup>3</sup>.

‘**Chánh tư duy**’ (Suy nghĩ đúng) hoặc nguyện vọng đúng đắn, là bước quan trọng được Đức Phật quy định trong việc ghen tị và thanh lọc ý định của con người. Khái niệm này có ý nghĩa xã hội quan trọng và nó cần thiết cho sự tăng trưởng của cảm giác về lòng nhân từ và lòng từ bi đối với tất cả chúng sinh.

‘**Giới luật**’ là phần thứ hai của con đường cao quý. Đức tính của ‘Giới luật’ hay thực hành thể chất là quy tắc đạo đức toàn diện. Theo Phật giáo, **Chánh ngữ** (Lời nói chân thật), **Chánh nghiệp** (Hành động đúng), **Chánh mạng** (Sinh kế đúng đắn) và **Chánh tinh tấn** (Nỗ lực đúng đắn) xuất phát từ đức hạnh của ‘Giới luật’. ‘**Chánh ngữ**’ có bốn đặc tính: Chúng là những lời chân thật, Chúng khiến người ta phấn khởi, không phải là những lời ác độc hay cay đắng mà đem lại niềm vui. Chúng nhẹ nhàng, không thô lỗ hay cộc cằn. Chúng khiêm cung, không vô ích hay vô nghĩa. Tương tự, ‘**Chánh nghiệp**’ là phẩm chất quan trọng và cần thiết cho sự hình thành của tính cách lý tưởng. ‘**Chánh mạng**’ không chỉ cần thiết cho một cuộc sống khổ hạnh mà còn quan trọng đối với xã hội. Nó thúc đẩy cuộc sống đạo đức và đề xuất đạo đức hóa đời sống kinh tế của chúng ta, điều này sẽ tránh những hành động thô tục và thúc đẩy lợi nhuận. Nó cũng nhấn mạnh việc sử dụng đúng phương tiện sinh kế. ‘**Chánh tinh tấn**’ với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp đã sinh được trừ diệt. Với mục đích khiến cho các thiện pháp đã được sinh có thể duy trì, được tăng trưởng và với mục đích khiến cho các ác, bất thiện pháp từ trước chưa sinh không cho sinh khởi.

Điều đó đã được Đức Phật nhấn mạnh trong hai câu thơ cuối của **‘Phẩm Song Đối’** trong **‘Kinh Lời Vàng’**, ‘Suốt thông kinh luật mặc dầu. Nếu không hành đạo, đếm trâu, đếm bò. Dẽ đuôi, tự mãn nằm co. Qua miển siêu thoát, gọi ò ai đưa? Ít thông kinh luật mặc dầu. Nếu chuyên hành đạo, tìm câu sửa mình. Sống đời chánh hạnh, quang minh. Qua miển siêu thoát, vô sinh, hưởng nhàn!’<sup>5</sup>

Phần thứ ba và phần cuối của con đường được gọi là **‘Định’**, bao gồm **Chánh Niệm và Chánh Định**; hai bước cuối cùng của con đường Bát Chánh Đạo. “Chánh Niệm và Chánh Định tức là kỷ luật tinh thần rất quan trọng trong đạo đức và triết học Phật giáo và Phật giáo không chỉ ám chỉ quán tâm”<sup>6</sup>

**Chánh Niệm** là quá trình rèn luyện tinh thần, liên tục giúp loại bỏ mọi vọng niệm, mong cầu. Với sự luyện tập cơ thể và tâm trí dẻo dai được đào tạo đến mức không có ham muốn hay sự từ chối nào có thể len lỏi vào và người khao khát xây dựng nhân cách đạo đức mạnh mẽ bằng cách trở nên hăng hái, cảnh giác, tự chủ và im lặng với **Chánh Định** (Suy ngẫm đúng) của quá trình đạo đức và tâm trí trở nên bình tĩnh và thanh thản.

Quá trình đạo đức khác được biết đến trong Phật giáo là **‘Tứ vô lượng tâm’**, bao gồm bốn phạm trù đáng sợ đi trong mối quan hệ chặt chẽ với con đường Bát chánh đạo cao quý. Đức Phật đã dạy **‘Bốn phạm trứ’** (Tứ vô lượng tâm), Từ vô lượng: tâm lành hướng về mọi chúng sinh, Bi vô lượng: xót thương và cứu giúp tất cả chúng sinh, Hỷ vô lượng: tâm thức vui mừng và hân hoan khi nhận thấy những điều lành của chúng sinh, Xả vô lượng: buông xả không chỉ cho việc thiết lập xã hội bền vững mà còn cho sự thành lập xã hội bền vững.

Từ vô lượng là phạm trứ đầu tiên, là một trong những khái niệm quan trọng nhất trong đạo đức Phật giáo có ý nghĩa xã hội to lớn. Đó là một trong những nguyên tắc của giới luật cầu mong hạnh phúc của tất cả các sinh vật trong vũ trụ, có duyên hoặc vô duyên, sinh ra hoặc chưa được sinh ra. Từ ‘Metta’ thường được dịch là tâm lành. Nó không giới hạn ở một cá nhân hoặc một quốc gia riêng lẻ. Tâm lành của Phật là một thể lực vĩ đại chiếm ưu thế trên toàn thế

giới. Đức Phật mong muốn phúc lợi của tất cả chúng sanh.

Quan điểm phá hoại ở con người là sự tức giận chi phối chúng ta và phá hủy hòa bình trong xã hội. Điều này có thể được khuất phục thông qua thực hành **Tâm Từ**. “Điều này có thể được phát triển bằng cách nuôi dưỡng những nỗ lực và mong muốn chân thành vì phúc lợi và hạnh phúc của tất cả chúng sinh mà không có ngoại lệ”.<sup>7</sup> Điều đó có nghĩa là không làm hại người khác cũng không chê bai hay lên án người khác. “Họ không có bất kỳ sự sợ hãi cũng như không làm cho người khác sợ hãi”.<sup>8</sup> Từ vô lượng vượt lên trên ảnh hưởng cá nhân (Prema), thứ gây ra cả nỗi sợ hãi và đau buồn. Nó giúp giảm cảm giác bản ngã và tháo gỡ bế tắc tinh thần. Tín đồ của Từ vô lượng không chịu ảnh hưởng của đẳng cấp và tín ngưỡng, chủng tộc, tôn giáo hay bất kỳ định kiến nào khác. Nếu từ vô lượng được thực hành trên quy mô rộng, nó chắc chắn sẽ giúp ích trong việc thiết lập xã hội bền vững.

‘**Tâm bi**’ là phần thứ hai trong Tứ Vô Lượng Tâm, biểu thị sự tu luyện của một cảm giác thương xót cứu khổ cho hết thảy chúng sinh. Nếu chỉ có suy nghĩ từ bi thì không phải là tất cả những gì được mong đợi của đệ tử Phật. Đệ tử Phật là tích cực chuyển dịch cảm giác của mình thành hành động và không thể nghỉ ngơi cho đến khi giúp hết người khác thoát khỏi cảnh khổ. “Tội ác là tự chịu trách nhiệm cho lỗi lầm và tội lỗi đã gây ra. Điều này có thể được loại bỏ bằng cách nuôi dưỡng Tâm Bi. Đặc điểm chính của tâm bi là dứt trừ đau khổ cho người khác.”<sup>9</sup> Nó dạy chúng ta phục vụ những người khác để loại bỏ những đau khổ của họ với tấm lòng vị tha mà không có bất kỳ sự mong cầu đền ơn. Đó là điều kiện mang lại hòa bình cho xã hội. Điều này phát triển thái độ hợp tác và tin tưởng lẫn nhau. Tâm bi cũng là nền tảng để giải quyết tất cả các xung đột trong xã hội.

‘**Tâm Hỷ**’ là phần thứ ba của Tứ Vô Lượng tâm, là phạm trù đạo đức quan trọng bao gồm thực hành để có cảm giác vui sướng trước hạnh phúc của người khác, kể cả kẻ thù. Nó có nghĩa là hành động đạo đức vì lợi ích của nhân loại. Lòng ganh tị chính là tệ nạn xã hội, dẫn đến những cuộc cạnh tranh liều lĩnh và thậm chí là những

hành động xấu xa để thể hiện một xã hội và nhà nước kém thịnh vượng. “Sự thực hành của Tâm Hỷ giúp khuất phục vấn nạn này.”<sup>10</sup> Nó dạy người ta cảm thấy hạnh phúc và tự do trong sự thịnh vượng khác. Do đó, nó bao trùm tất cả những sinh vật thịnh vượng và trong thái độ chúc mừng của mọi người. Việc thực hành Tâm Từ và Tâm Bi dễ dàng hơn so với thực hành Tâm Hỷ, điều đòi hỏi nỗ lực cá nhân lớn và sức mạnh ý chí mạnh mẽ.

Bằng cách thực hành điều thứ tư của Tứ Vô Lượng Tâm, ‘**Tâm Xả**’, cảm giác bình đẳng được tạo ra và đệ tử Phật không bị mê hoặc với thế giới đang biến mất. Trong văn học Phật giáo có hàng trăm ví dụ về sự cuồng cuồng của lòng từ bi đối với những người đau khổ. Theo lời dạy của Đức Phật, Tâm Xả là trạng thái siêu phàm, nơi không có sự phân biệt giữa giàu và nghèo, thấp và cao. Đức tính công bằng cũng được ghi nhận trong giáo lý của đức Thế Tôn, được biết đến với tên gọi ‘*Samattava-Bhava*’ và “phẩm chất khác biệt và thiết yếu của con người là khao khát sự giải thoát.”<sup>11</sup> Đức Phật Thích Ca trong *Kinh Pháp Cú* dạy: “Nếu có ai nói rõ lỗi lầm của người khác và chỉ dạy cho họ cách sửa chữa lại thì đó chẳng phải là một hành động xấu ác đáng chê trách. Trái lại nếu có kẻ nào luôn luôn chỉ trích chỗ sai lầm của người khác với ý định hiểm độc để nói xấu, thời những người như thế không bao giờ đạt được giác ngộ mà chỉ có sự ô nhiễm tăng trưởng trong lòng họ mà thôi.”<sup>12</sup> Những thuộc tính cao như vậy đã được trao cho Tâm Xả. Những người tu tập theo Tâm Xả loại bỏ sự đeo bám và ác cảm mong muốn hoặc có cùng một thái độ đối với cả người tốt và người xấu, người làm ác và người làm tốt v.v... Điều kiện như vậy hoàn toàn vô hiệu hóa và giải quyết tất cả các xung đột.

Quan sát kỹ, chúng tôi thấy rằng khái niệm ‘Tứ Vô Lượng Tâm’ hiển thị phương pháp rèn luyện khía cạnh cảm xúc. Tâm Bi (lòng trắc ẩn) hướng đến những sinh mệnh bị ảnh hưởng, nó trái ngược với sự tàn nhẫn. Tâm Hỷ (cùng vui với người khác) là niềm vui được trải nghiệm khi nhìn thấy một người có lý do nào đó để hạnh phúc, nó trái ngược với sự đố kỵ và ghen tị. Tâm Từ (từ vô lượng) lòng tốt yêu thương, là mong muốn tốt cho tất cả chúng sinh. Nó trái ngược với hờn oán. Tâm Xả được thực hành bình đẳng

đối với tất cả chúng sinh và mọi sự hình thành, nó trái ngược với thiên kiến và thiên lệch một phần. Tất cả các trạng thái siêu phàm này được gọi chung là Tứ Vô Lượng Tâm, tạo nền tảng tốt cho việc thành lập các xã hội bền vững.

“Cách tiếp cận Phật giáo quan trọng nhất đối với xã hội bền vững trong khái niệm Bồ tát, có nghĩa là, giả sử, tôi là người thực hành Pháp, tôi sẽ là người cuối cùng được điều khiển bánh xe luân hồi sinh tử này.”<sup>14</sup> Loại phúc lợi xã hội không ai có thể tìm ra trong bất kỳ hệ thống tư tưởng tôn giáo nào. Chính ý tưởng này được kết nối với thành phần phổ quát. Lý tưởng Phật giáo về ‘**Bồ tát**’ là một ví dụ tuyệt vời về trách nhiệm xã hội và ý thức bốn phận. Giải thoát riêng là chưa đủ, người ta phải quan tâm đến các thành viên khác trong xã hội và làm việc vì phúc lợi của toàn nhân loại. Lời thề mà **Đức Đạt Lai Lạt Ma** dự kiến sẽ đạt được là trạng thái giác ngộ, Bồ tát (trạng thái trí tuệ của sự tồn tại) không phải để sống xa cách với thế giới mà là làm việc với trí tuệ và tình yêu hoàn hảo giữa vô số những sinh mệnh đau khổ để xóa bỏ nỗi khổ đau và đạt được sự giải thoát cho họ.”<sup>15</sup>

Phương châm đạo đức của Phật giáo là, ‘*Bahujan Hitaya và Bahujan Sukhaya*’, chắc chắn rất cần thiết cho việc thành lập các xã hội bền vững. Phật giáo được mệnh danh là đại sứ của hòa bình, hòa bình giữa tất cả các sinh vật, và cuối cùng, hòa bình cho toàn thế giới. Nó là viết tắt của ‘*Bahujanhitaya-bahujanasukhaya*’ (vì lợi ích của nhiều người và vì hạnh phúc của nhiều người)”<sup>16</sup> Lý tưởng Phật giáo không phải là tập trung vào phúc lợi của bản thân, mà là để phục vụ cho phúc lợi của tất cả mọi người. Mục tiêu, Đức Phật khuyên các đệ tử và tín đồ của mình không nên chỉ biết hưởng thụ niềm hạnh phúc cá nhân mà khuyên họ luôn phấn đấu vì sự an lành của đồng loại. Theo lời của DT Swzuki, “một người đã tham dự lý tưởng Khai sáng này và làm việc để giải thoát những chúng sinh khác cũng được gọi là Bồ tát. Tình yêu và trí tuệ (Tâm Bi và Bát Nhã) tạo thành bản chất của sự tồn tại của mình.”<sup>17</sup> Nói về những người hoàn hảo như vậy, Bồ Tát Long Thọ dạy trong ‘**Bồ đề tâm**’. “Do đó, bản chất của Bồ tát là mang trái tim yêu thương rộng lớn (đại từ bi) và tất cả chúng sinh tạo thành đối tượng tình yêu của chư

vị Bồ Tát.”<sup>18</sup> ... Do đó, tất cả các vị Bồ tát, luôn tu tập và cứu độ để giải thoát chúng sinh khỏi cảnh sanh lão bệnh tử của kiếp luân hồi. Mặc dù vậy, các Ngài cũng phát đại nguyện vào con đường sanh tử để giáo hóa chúng sanh, nhưng trái tim của chư vị không có tội lỗi và chấp trước. Giống như hoa sen mọc ra từ bùn nhưng không bị ô nhiễm bởi mùi tanh hôi và dơ bẩn. Bằng đại nguyện về những thành quả của hành động, một vị Bồ tát sẽ làm giảm bớt những đau khổ cho chúng sanh, giúp họ tìm thấy ánh sáng của con đường tuệ giác.

Mục đích thuyết giảng chánh Pháp của Đức Phật là để giải thoát con người khỏi những đau khổ sinh tử luân hồi. Trung tâm lắng nghe chánh Pháp của Đức Phật là con người và mối quan hệ của con người trong cuộc sống trên trái đất. Theo Đức Phật, đây là định đề đầu tiên của Ngài và thứ hai là con người đang sống trong đau khổ, khổ sở và nghèo đói. “Thế giới đầy đau khổ và làm thế nào để loại bỏ sự đau khổ này khỏi thế giới là mục đích duy nhất của Pháp. Không có gì ngoài Pháp.”<sup>20</sup> Trong Phật giáo, không có gì cao hơn và cao quý hơn con người. Triết lý của Phật giáo được quan tâm với Sự giải thoát con người khỏi đau khổ.”<sup>21</sup> “Sau đó, người ta đối xử với mọi người như bình đẳng công nhận phẩm giá của con người là con người, không có đẳng cấp, không bất bình đẳng, không có ưu thế; tất cả đều bình đẳng, là triết lý của Đạo Phật.”<sup>22</sup>

Phật giáo luôn luôn tiến hành và tiếp tục tiến hành từ sự thừa nhận thực tế rằng con người đại diện cho giá trị cao nhất trên thế giới. Con người là trung tâm của mọi tư tưởng và thực hành Phật giáo. Lợi ích nhân đạo là tối cao trong Phật giáo. Đạo pháp có nghĩa là một trật tự đúng đắn trong quan hệ của con người. Trên thực tế, giáo pháp; như Tiến sĩ Ambedkar đã viết, là sự công bình, có nghĩa là mối quan hệ đúng đắn giữa con người và con người trong tất cả các lĩnh vực của cuộc sống.”<sup>23</sup> Hơn nữa, đạo đức là bản chất của Pháp. Đạo đức trong Đạo pháp phát sinh từ sự cần thiết trực tiếp của con người để yêu con người. Vì lợi ích của mình mà con người phải yêu con người.”<sup>24</sup> Pháp cũng bao gồm Trí Tuệ và Từ Bi. Trí Huệ là hiểu đúng và Từ Bi có nghĩa là tình yêu. Đức Phật đã làm cho Trí Huệ trở thành một trong hai hòn đá tảng Giáo pháp của mình. Bởi vì, nếu không có Từ Bi, xã hội không thể sống hay phát



triển, đó là lý do tại sao Đức Phật biến nó thành hòn đá tảng thứ hai trong Giáo pháp của Ngài... Sự pha trộn độc đáo của Trí Tuệ và Từ Bi (Hiểu và yêu) là Pháp của Đức Phật.”<sup>25</sup> Đặc điểm chính của Phật pháp là “Tất cả bao trùm tình yêu”<sup>26</sup>, bản chất của bất kỳ lý thuyết nhân văn nào.

Vì rõ ràng là nhiệm vụ của Phật giáo đối với các xã hội bền vững là hiện tượng dựa trên bốn phạm. Trong đó, mỗi cá nhân phải chia sẻ trách nhiệm xã hội của chính mình trong khả năng đầy đủ của mình. Tôn trọng nghĩa vụ và ý thức bốn phạm là khái niệm đạo đức nổi tiếng, đóng vai trò quan trọng trong việc cải thiện xã hội. Nhà triết học nổi tiếng người Đức ‘Immanuel Kant’ cũng đã thảo luận về khái niệm bốn phạm, ý thức bốn phạm và sự tôn kính đối với bốn phạm như là nguyên tắc đạo đức tối cao của Giáo Pháp.”<sup>27</sup> Bản chất của Chí Tôn Ca cũng nằm trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo một tầng lớp xã hội và pháp của riêng một người. Nó cũng nhấn mạnh việc thực hiện nghĩa vụ không chỉ vì lợi ích mà còn những hậu quả của các hành động.

Đạo đức xã hội Phật giáo cho cư sĩ quy định các nhiệm vụ được đặt ra một cách có trật tự cho 6 bốn phạm như sau; Giữa cha mẹ và con cái; giữa học sinh và giáo viên; chồng và vợ; bạn bè và đồng hành; chủ và tôi tớ; và cuối cùng, các hộ gia đình và các thành viên của Tỳ kheo. Các mối quan hệ và nhiệm vụ của họ dựa trên tinh thần tử tế của đồng loại, tinh thần công lý cao quý và tinh thần hợp tác đạo đức của con người. Trong kinh ‘Giáo-thọ-thi-ca-la-việt’ dạy rằng; cư sĩ nên tránh mười bốn điều xấu xa để thành công cả trong thế giới này và thế giới tiếp theo.”<sup>29</sup> Và cũng dạy cư sĩ nên cư xử thế nào với đàn anh, bạn bè và đàn em của mình. Ý tưởng cơ bản về nghĩa vụ là ‘chúng ta có thể coi mối quan hệ của con người trong đó mọi người cùng phục vụ và yêu thương lẫn nhau.’<sup>30</sup>

Trong giáo lý Bát chánh đạo, Đức Phật đã nhấn mạnh đến sự hình thành tính cách mạnh mẽ nhưng dễ chịu và một nhân vật cao quý ghê gớm. Về mặt này, một sự phản đối được đưa ra bởi các nhà tư tưởng và nhà phê bình. Họ cho rằng, con đường do Đức Phật ban hành chủ yếu là để dẫn dắt Phật tử trong cuộc tìm kiếm tối cao

của mình để đạt được Niết bàn, không phải vì mục đích thành lập xã hội bền vững. Tuy nhiên, có thể dễ dàng chứng minh tám khái niệm hình thành con đường cũng có tầm quan trọng lớn về mặt xã hội học. Tinh thần đạo đức được rao giảng thông qua điều này là định hướng hành động và năng động. Sự kết thúc cuối cùng của cuộc sống chính là sự giải thoát, có nghĩa là chấm dứt khỏi những đau khổ, nhưng nó không bao giờ cho phép một người từ bỏ trách nhiệm và nghĩa vụ xã hội của mình.

Đức Phật không bao giờ quan tâm đến vấn đề siêu hình học, mà chỉ đề cập đến những câu hỏi về đạo đức. Đức Phật chỉ thật sự quan tâm đến các vấn đề đau khổ hay hạnh phúc của con người. Phật giáo có mối liên hệ chặt chẽ với thế giới vật chất, ngay từ khi thành lập đã phù hợp với hầu hết các vấn đề thế giới trong giới luật và nhận thức của nó. Do đó, Đức Phật luôn bận tâm tới việc tìm kiếm sự giải thoát, Ngài cũng rất quan tâm đến phúc lợi của con người và thực sự đã đưa ra các học thuyết áp dụng và mang lại lợi nhuận cho các vấn đề xã hội của nhân loại. Thay vì lãng phí thời gian và khả năng tinh thần trong các vấn đề khó hiểu và không liên quan đến con người, Đức Phật đã tự giới hạn mình trong nhiệm vụ cụ thể hóa các chuẩn mực xã hội hoàn hảo và các mối quan tâm nhân văn.

Sự hình thành ý thức hệ của Đức Phật rõ ràng không loại trừ sự sống ra khỏi các mỏ neo kinh tế và xã hội. Đức Phật nhìn vào cuộc sống của con người trong toàn bộ xã hội, điều này được minh chứng qua hầu hết các bài pháp thoại của Ngài trong suốt những năm tháng hiện hữu. Mục đích thuyết pháp của Đức Phật là để giải phóng nhân loại khỏi đau khổ. Pháp không bao giờ ủng hộ sự thờ ơ đối với trách nhiệm và nghĩa vụ xã hội. Thay vào đó, Pháp luôn thuyết phục con người đi theo con đường đúng đắn và khắc sâu những giá trị và đức tính tốt đẹp của con người vào chính họ. Chúng ta phải tu tập Từ, Bi, Hỷ, Xả, phục vụ đồng bào và những phẩm chất, tình cảm khác, đã được Đức Phật giải thích rất thuyết phục. Theo sau ‘Hành xử đúng đắn’ và ‘Trí Tuệ’, ‘Giới Hạnh’, và ‘Chánh Định’, con người có thể dễ dàng nhận được không chỉ sự

chấm dứt từ những đau khổ mà còn là kết thúc cao nhất của cuộc đời. Lối sống của Phật giáo tập trung toàn bộ vào đạo đức xã hội và kỷ luật tâm linh.”<sup>31</sup> Cơ sở của Đức Phật, khái niệm Phật giáo về xã hội bền vững, nằm trong bản chất của giáo lý của Phật giáo và sự thấu hiểu đạo đức mà thực tế người ta có thể tìm thấy trong đời sống của Tăng thân.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mahavagga Nalanda Edition, P-13 (Dhamma Chakka Ppavation)
2. Goyal, S.R; A History of Indian Buddhism P-143
3. Dhammapada; 1.6
4. Jatav, D.R; Buddhism in modern world, 2007, P-72
5. Dhammapada; Yamakavagga, Verses 19-20
6. Jatav, D.R; Buddhism in modern world, 2007, P-72
7. Vishudhimaggo, 1-93
8. Dhammapada- Verse-5
9. Vishudhimaggo, 1-94
10. Ibid 1- 95
11. Srimadbhagavadgita; Chapter II, Verses 32 to 47
12. Dhammapada- Verse-133-134
13. Dhamma, Volume 9, No. 8, 1985, P-27
14. Jatav, D.R; Buddhism in modern world, 2007, P-58
15. Chatterjee, S.C and Dutta, D.M; An introduction to Indian philosophy, 1960, PP-156-157
16. C.F. Mahavagga
17. Swzuki, D.T.; Outlines of Mahayana Buddhism, P-296
18. Ibid, P-292

19. Ibid, PP-293-294
20. Ambedkar, B.R; The Buddha and his Dhamma, PES (Bombay) 1957, P-121
21. Damodaran, K; man and Society in Indian Philosophy, PPH (New Delhi), 1970 P-31
22. Ambedkar, B.R; The Buddha and his Dhamma, PES (Bombay) 1957, P-301
23. Ibid, P-316
24. Ibid, P-323
25. Ibid, P-317
26. Jatav, D.R. ; The Buddha and Karl Marx, 1968, P-185
27. Kant, Immanuel; Ground work of Metaphysics of morals, Chapter I P.T.O.
28. Srimadbhagavadgita;Chapter II, Verses 32 to 47
29. Singlovada-Suttanata, Nos. 3-26
30. Jatav, D.R.; Buddhism in modern world,2007, P-68
31. Kabir, H; Indian Heritage, Asia (Bombay) 1962, P-58